

Bản án số: 35/2019/HS-ST

Ngày 27 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Phong và ông Bùi Xuân Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019, đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. **Giàng A P**, sinh năm 1976 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Bản O, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: H'Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A D và bà Phàng Thị S; có vợ là Vàng Thị D và 05 con; bị bắt tạm giữ từ ngày 18-4-2019 - Có mặt.

1.2. **Phàng Thị T** (tên gọi khác: **Bà T**), sinh năm 1969 tại tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: H'Mông; giới tính: nữ; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phàng A C và bà Mua Thị S (đã chết); có chồng là Giàng A C và 07 con; bị bắt tạm giữ từ ngày 18-4-2019 - Có mặt.

1.3. **Phan Trần Nguyên V** (tên gọi khác: **D**), sinh năm 1985 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Quang C và bà Trần Thị N (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị N; bị bắt tạm giữ từ ngày 18-4-2019 - Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Giàng A P và Phàng Thị T: Ông Nguyễn Văn Tôn, Luật sư Văn phòng luật sư Hoài An thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người phiên dịch cho các bị cáo Giàng A P và Phàng Thị T: Anh Lầu Bá Pênh; nơi công tác: Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Anh Giàng A M; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

2.2. Phàng A Ph; địa chỉ: Thôn Z, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Anh Tống Mạnh D; địa chỉ: Tổ Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

3.2. Anh Phùng Duy K; địa chỉ: Tổ X, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3-2019, Giàng A P mua ma túy của người phụ nữ dân tộc H'Mông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) tại xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa với số tiền 14.000.000 đồng. Sau đó, P đưa số ma túy đã mua được vào nhà Phàng Thị T tại thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông chia nhỏ ra thành nhiều gói, một phần để lại sử dụng và phần còn lại đưa cho T để bán cho những người nghiện. Khi nào bán hết số ma túy mà P đưa, thì T phải đưa lại cho P số tiền 20.000.000 đồng.

Chiều ngày 16-4-2019, Phan Trần Nguyên V gọi điện thoại cho T hỏi mua ma túy, thì T đồng ý và đã đến nhà T tại thôn P, xã Q mua 1.300.000 đồng và chia nhỏ ra từng gói để sử dụng. Đến khoảng 08 giờ ngày 18-4-2019 khi V đang điều khiển xe mô tô tại khu vực gần hồ câu BB thuộc tổ V, phường N, thị xã G để tìm địa điểm sử dụng ma túy, thì bị lực lượng Công an tỉnh Đắk Nông kiểm tra phát hiện, thu giữ trên người của V 02 gói và 03 ống hút có chứa chất bột màu trắng, V khai là hêrôin mua của T và nhiều đồ vật, dụng cụ có liên quan khác.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại thôn P, xã Q, huyện K, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông thu giữ trong túi vải cạnh giường trong phòng ngủ của Giàng A M (con trai của T) 05 gói nilon màu trắng, T khai nhận là hêrôin do P đưa nhưng bán chưa hết, 67.000.000 đồng và 01 cân tiểu ly. Trong khi thi hành lệnh khám xét phát hiện P đang có mặt trong nhà T, kiểm tra phát hiện và thu giữ trong túi vải đeo trên người P 01 gói nilon màu xanh bên trong có chứa chất bột màu trắng, thu giữ trong túi áo khoác cạnh giường của P 01 gói nilon màu đen chứa chất bột màu trắng, thu giữ dưới gầm giường của P 01 gói nilon chứa chất bột màu trắng, P khai nhận là hêrôin.

Quá trình điều tra, T khai nhận ngoài lần bán ma túy cho Phan Trần Nguyên V vào ngày 16-4-2019 và trước đó đã 02 lần bán ma túy cho V tại nhà của T, cụ thể:

Lần 1: Cách ngày bị bắt khoảng 10 ngày, khi V đi ngang qua xã Q thì lên cơn nghiện ma túy, V dừng xe và hỏi người thanh niên bên đường (không xác

định được nhân thân) hỏi biết chỗ nào bán ma túy không, được người này nói nếu cho một ít thì mới chỉ, V đồng ý và rồi người này dẫn V đến nhà T mua 300.000 đồng, V lấy ra một ít ma túy đưa cho người thanh niên này và số còn lại V sử dụng hết tại nhà T.

Lần 2: Chiều ngày 14-4-2019, V đến nhà T mua 1.500.000 đồng ma túy, V lấy ra một ít sử dụng và số còn lại gói mang về, trên đường về do bị mưa ướt làm ma túy chảy ra ngoài hơn một nửa, số còn lại V sử dụng khoảng 04 đến 05 lần.

Kết luận giám định số: 26/KLMT-PC09 ngày 24-4-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận chất rắn màu trắng bên trong 06 bì thư được niêm phong gửi đến giám định là chất ma túy (*hêrôine*) có khối lượng như sau: Bì thư thứ nhất là: 0,3088 gam; bì thư thứ hai là: 2,1495 gam và bì thư thứ ba là: 0,7206 gam (*thu giữ của Giàng A P*); bì thư thứ tư là: 52,7551 gam (*thu giữ của Phàng Thị T*); bì thư thứ năm là: 0,1320 gam và bì thư thứ sáu là: 2,0408 gam (*thu giữ của Phan Trần Nguyên V*). Tổng khối lượng *hêrôine* đã thu giữ là: 58,1068 gam, hoàn lại sau giám định là: 48,304 gam.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F8-0177 thu giữ của Phan Trần Nguyên V, qua tra cứu xác minh xác định được chủ sở hữu hợp pháp là của anh Nguyễn Trọng N, địa chỉ tại tỉnh Bắc Giang do V mua lại tại một tiệm sửa chữa xe tại ngã ba HV, thị xã G để sử dụng (xe không có giấy chứng nhận đăng ký). Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã ủy thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang tiến hành xác minh nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời. Đối với số tiền 67.000.000 đồng thu giữ của Phàng Thị T khi khám xét, quá trình điều tra xác định trong tổng số tiền này có 10.000.000 đồng là của anh Giàng A M, 50.000.000 đồng của anh Phàng A Ph (con rể T gửi để mua đất, khi khám xét anh M và anh Ph không không biết).

Cáo trạng số: 53/CT-VKS-P1 ngày 05-8-2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố các bị cáo: Giàng A P và Phàng Thị T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Phan Trần Nguyên V về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Giàng A P, Phàng Thị T và Phan Trần Nguyên V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông giữ nguyên quyết định truy tố đối các bị cáo Giàng A P, Phàng Thị T, Phan Trần Nguyên V và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Giàng A P từ 16 đến 17 năm tù. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phàng Thị T từ 17 đến 18 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt

Phan Trần Nguyên V 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy hêrôin hoàn lại sau giám định có khối lượng 48,304 gam, 01 cân tiểu ly, 02 bơm kim tiêm, 01 ví da, 02 dao lam, 01 bình xịt hơi cay và 08 ống hút nhựa màu trắng; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 3.100.000 đồng do bị cáo Phàng Thị T phạm tội mà có và 02 điện thoại di động thu giữ của T và V sử dụng vào việc phạm tội; trả lại cho bị cáo Phàng Thị T 3.900.000 đồng, anh Giàng A M 10.000.000 đồng, anh Ph 50.000.000 đồng, bị cáo Phan Trần Nguyên V số tiền 2.420.000 đồng và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Phan Trần Nguyên V. Đối với xe mô tô biển kiểm soát 98F8-0177 hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp, cần tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Giàng A P và Phàng Thị T trình bày luận cứ: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố các bị cáo P và T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Tuy nhiên, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được đề nghị áp dụng đối với các bị cáo, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết: các bị cáo đều nhận thức pháp luật còn hạn chế, sinh sống tại nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nguyên nhân và điều kiện phạm tội của các bị cáo để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp nhất quy định tại khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Giàng A P, Phàng Thị T và Phan Trần Nguyên V không tranh luận, bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T, anh M và anh Phàng A Ph đề nghị Hội đồng xét xử giao toàn bộ số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội cho anh Giàng A M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập lưu hồ sơ vụ án và

đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

2.1. Giữa Giàng A P và Giàng A C (chồng của Phàng Thị T) có mối quan hệ là anh em họ hàng. Trong quá trình làm thuê từ đầu năm 2019, P sinh sống tại gia đình anh Giàng A C tọa lạc tại thôn P, xã Q, huyện K. Tháng 3-2019, P về quê và mua ma túy của một người chưa rõ lai lịch (tại xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa). Sau đó, P đưa vào nhà Phàng Thị T chia nhỏ ra thành nhiều gói, một phần giữ lại để sử dụng và phần còn lại đưa cho T bán cho người khác, thỏa thuận khi bán hết T phải đưa cho P 20.000.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 4-2019 đến ngày 16-4-2019, T đã 03 lần bán ma túy cho Phan Trần Nguyên V với số tiền là 3.100.000 đồng. Hành vi của P, T và V đã bị cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ tổng khối lượng là 58,1068 gam được kết luận là Heroin, trong đó thu giữ của T 52,7551 gam Heroin.

2.2. Phan Trần Nguyên V là người nghiện ma túy, đã 03 lần mua Heroin của T với số tiền 3.100.000 đồng, trong khi chuẩn bị sử dụng thì bị phát hiện và thu giữ trên người 05 gói Heroin có khối lượng là 2,1728 gam.

2.3. Như vậy, hành vi của các bị cáo Giàng A P và Phàng Thị T đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Phan Trần Nguyên V đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, cụ thể:

Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

c) *Hêrôin có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;*”

Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

b) *Hêrôin có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;*”

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý của nhà nước về các chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội là một trong những nguyên nhân của các tệ nạn xã hội khác gây nhức nhối, bức xúc trong cộng đồng cũng như các khu dân cư trong phạm vi cả nước...

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

4.1. Bị cáo Phàng Thị T 03 lần bán ma túy cho bị cáo Phan Trần Nguyên V, do vậy có căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

4.2. Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, do đó có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Riêng bị cáo T ngoài lần phạm tội khi bị bắt, bị cáo còn khai ra các lần phạm tội trước đó, do đó có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

4.3. Xét luận cứ của luật sư bào chữa cho các bị cáo T và P về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình, nhận thức pháp luật; nguyên nhân, điều kiện phạm tội của các bị cáo này khi quyết định hình phạt là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo P và T. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[5]. Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một hình phạt thật nghiêm với mức cao của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 và khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian dài mới đảm bảo được mục đích của hình phạt. Các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[6]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số heroin đã thu giữ của các bị cáo và các vật dụng khác không còn giá trị sử dụng đã thu giữ. Truy thu số tiền 3.100.000 đồng do bị cáo Phàng Thị T đã bán ma túy cho Phan Trần Nguyên V; tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động (đã thu giữ của T và V sử dụng vào việc phạm tội). Trả lại cho bị cáo Phàng Thị T số tiền 3.900.000 đồng, cho anh Giàng A M số tiền 60.000.000 đồng và bị cáo Phan Trần Nguyên V số tiền 2.420.000 đồng và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Phan Trần Nguyên V.

Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông xác minh làm rõ chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F8-0177 và xử lý theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Các bị cáo Giàng A P, Phàng Thị T và Phan Trần Nguyên V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Giàng A P và Phàng Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Phan Trần Nguyên V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Giàng A P 17 (*Mười bảy*) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 18-4-2019.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phàng Thị T 16 (*Mười sáu*) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 18-4-2019.

1.3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Trần Nguyên V 02 (*Hai*) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 18-4-2019.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 228 của Bộ luật Dân sự.

2.1. Tịch thu tiêu hủy đối với 06 gói ma túy được niêm phong hoàn lại sau giám định; 01 cân tiểu ly; 02 bơm kim tiêm; 01 ví da; 02 dao lam; 01 bình xịt hơi cay và 08 ống hút nhựa màu trắng.

2.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.100.000đ (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*) do bị cáo Phàng Thị T phạm tội mà có và 02 điện thoại di động thu giữ của T và V sử dụng vào việc phạm tội.

2.3. Trả lại cho Phàng Thị T số tiền 3.900.000đ (*Ba triệu chín trăm nghìn đồng*), anh Giàng A M số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và anh Phàng A Ph 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), anh Giàng A M là người đại diện nhận toàn bộ số tiền 63.900.000đ (*Sáu mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng*); trả lại cho bị cáo Phan Trần Nguyên V số tiền 2.420.000đ (*Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Phan Trần Nguyên V.

2.4. Thông báo tìm chủ sở hữu mô tô biển kiểm soát 98F8-0177 trong thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo mà không xác định được ai là chủ sở hữu thì tịch thu sung ngân sách nhà nước.

(*Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ ngày 05-8-2019, theo biên bản thu giữ và Giấy nộp tiền vào tài khoản số 01 ngày 05-8-2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông nộp vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ*).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Giàng A P, Phàng Thị T và Phan Trần Nguyên V phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Tp. H;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương